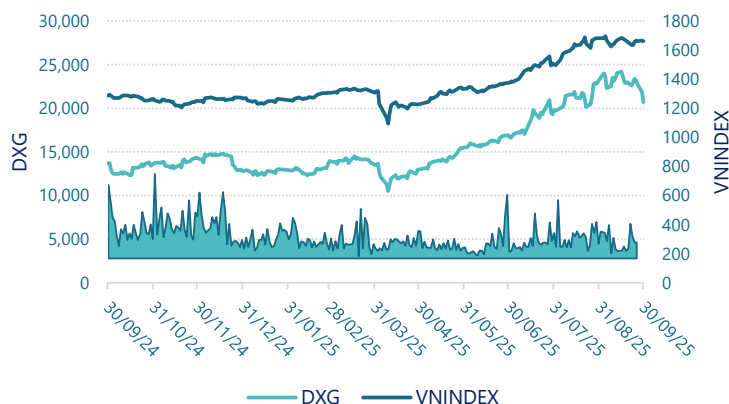


CTCP Tập đoàn Đất Xanh (HSX: DXG)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 30/09/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	20,700
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	24,200
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	10,513
SL cổ phiếu LH	1,018,884,189
KLGD BQ 20 phiên (CP)	26,391,145
% sở hữu nước ngoài	22.5%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	21,091
P/E	45.0
EPS	460

DT thuần

Q3/25

1,068

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 334 | 45.5%

YoY: ▲ 55.0 | 5.5%

LN sau thuế

Q3/25

164

tỷ VNĐ

QoQ: ▼ 105 | -39.2%

YoY: ▲ 90.9 | 124%

Tỷ suất lãi EBIT

Q3/25

23.9%

+/- YoY: ▲ 2.3%

DT thuần

9T 2025

2,727

tỷ VNĐ

YoY: ▼ 477 | -14.9%

LN sau thuế

9T 2025

511

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 267 | 109%

ROE

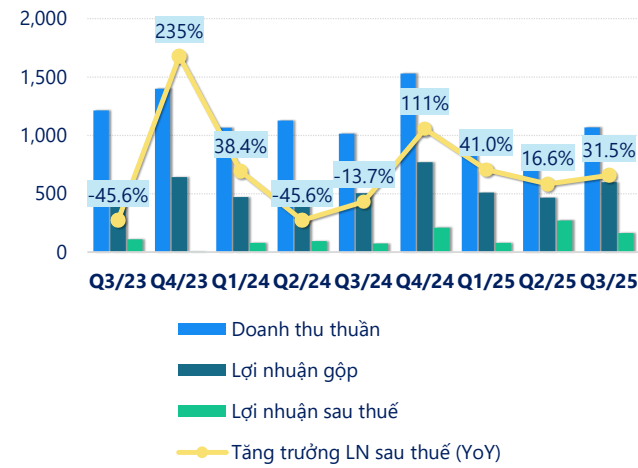
Q3/25

2.7%

+/- YoY: ▲ 1.8%

tỷ VNĐ

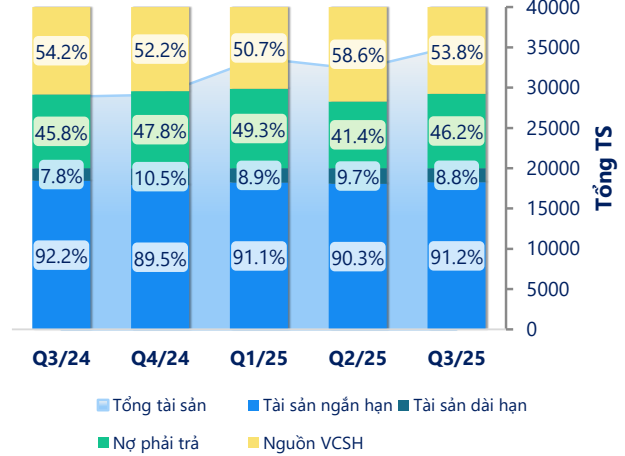
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

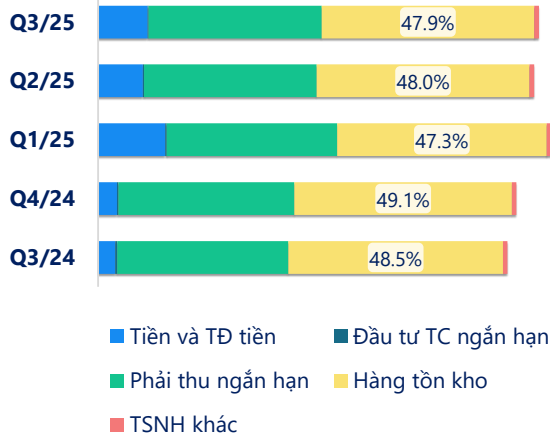
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



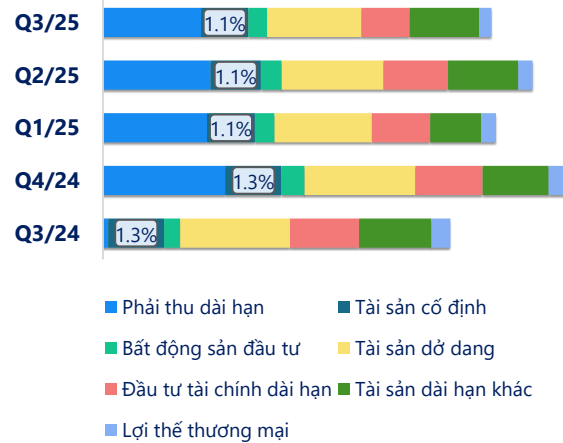
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

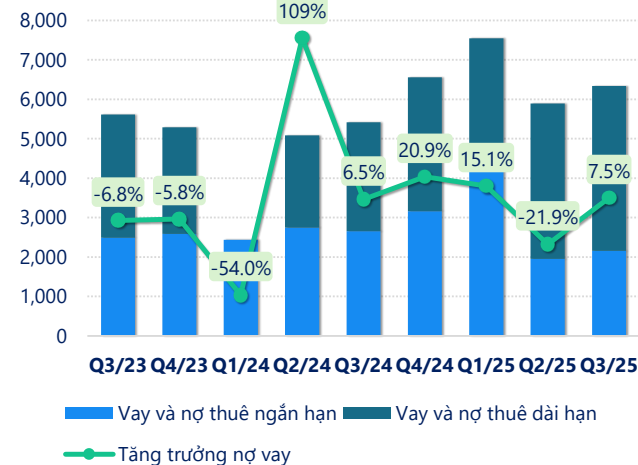
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Nợ vay



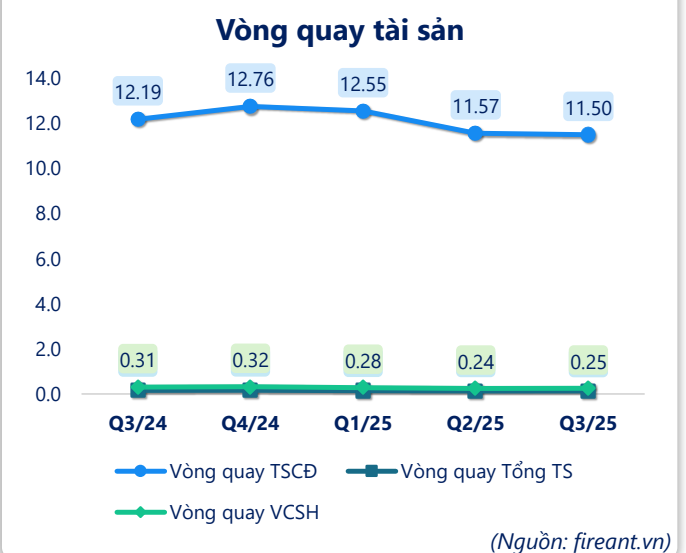
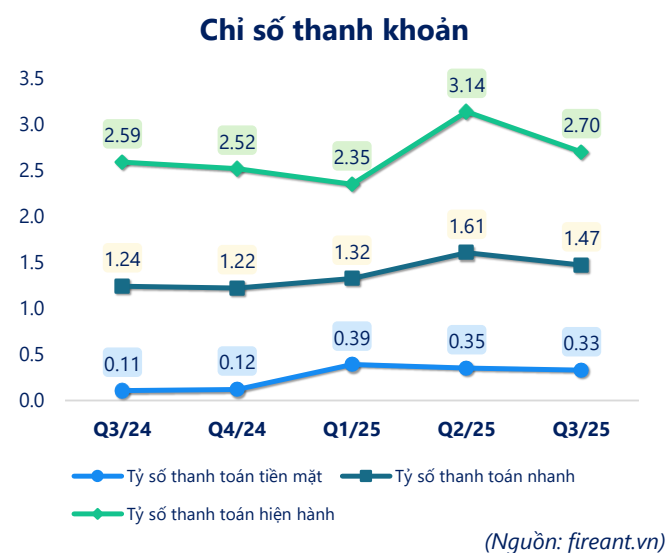
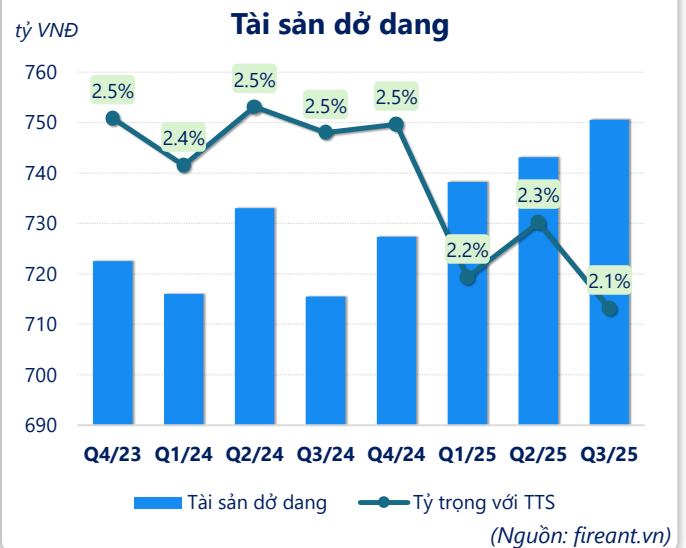
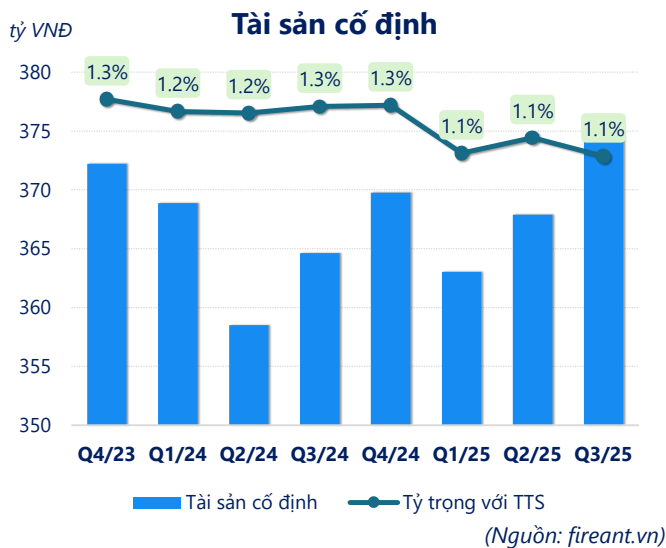
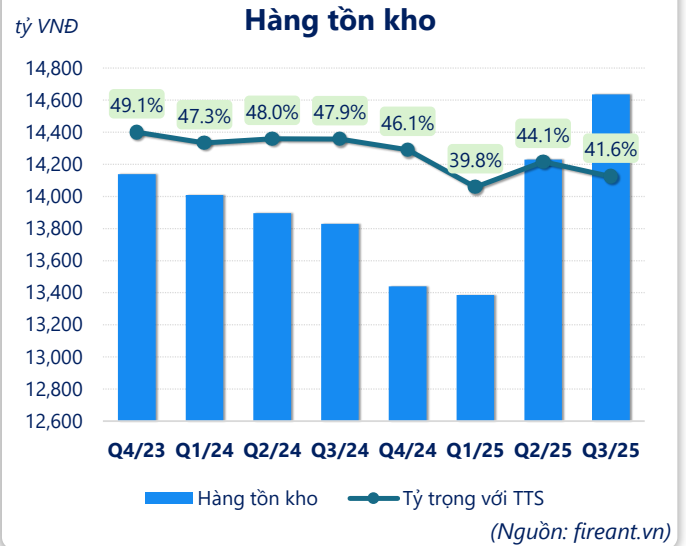
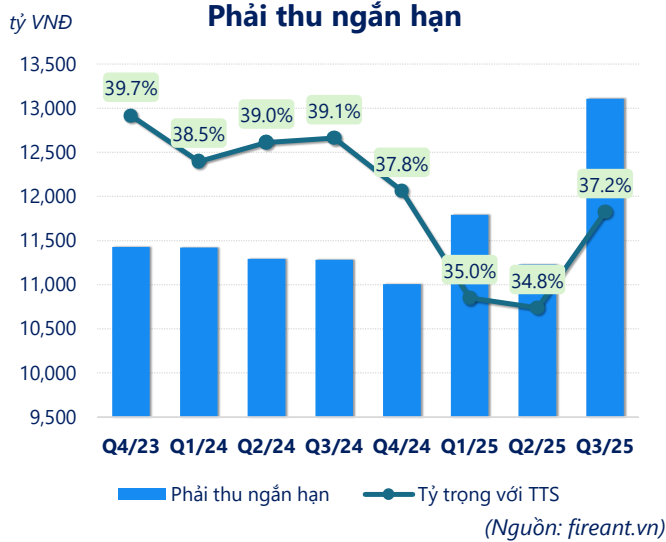
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



(Nguồn: fireant.vn)



CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Tổng tài sản	28,851	29,137	33,660	32,280	35,210
Tài sản ngắn hạn	26,588	26,087	30,676	29,150	32,123
Tiền và tương đương tiền	1,105	1,249	5,107	3,272	3,928
Đầu tư tài chính ngắn hạn	59.3	77.9	84.8	103	106
Phải thu ngắn hạn	11,284	11,006	11,794	11,228	13,108
Hàng tồn kho	13,830	13,440	13,387	14,230	14,635
Tài sản ngắn hạn khác	309	315	304	316	345
Tài sản dài hạn	2,263	3,050	2,984	3,130	3,087
Phải thu dài hạn	34.5	804	791	783	780
Tài sản cố định	365	370	363	368	375
Bất động sản đầu tư	103	153	150	150	149
Tài sản dở dang	716	727	738	743	751
Đầu tư tài chính dài hạn	450	443	443	470	384
Tài sản dài hạn khác	471	434	387	511	550
Lợi thế thương mại	125	118	112	105	98.5
Nợ phải trả	13,216	13,934	16,578	13,379	16,257
Nợ ngắn hạn	10,269	10,348	13,054	9,288	11,895
Vay và nợ thuê ngắn hạn	2,653	3,159	4,225	1,955	2,154
Phải trả người bán ngắn hạn	688	626	750	755	906
Nợ dài hạn	2,947	3,586	3,524	4,091	4,362
Vay và nợ thuê dài hạn	2,767	3,396	3,320	3,939	4,185
Nguồn vốn chủ sở hữu	15,635	15,203	17,082	18,901	18,952
Vốn chủ sở hữu	15,635	15,203	17,082	18,901	18,952
Vốn điều lệ	7,225	7,225	8,726	10,206	10,206
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)